TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa bà Đoàn Thị X và ông Thái Phước T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Phới;

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(vắng mặt có đơn xin vắng mặt).*

- *Bị đơn*: Ông Thái Phước T, sinh 1977. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị X trình bày: Bà và ông Thái Phước T chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/02/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có một người con chung tên Thái Thị Y, sinh ngày 08/6/2001, đã trưởng thành và Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 hiện đang sống với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên

cự cãi, ông Thăng không quan tâm chăm sóc gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi, nghiện ma túy, bà có khuyên ngăn nhưng không có kết quả, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bà và ông Thăng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông Thăng nên bà xin ly hôn với ông Thái Phước T.

Về con chung: Con chung tên Thái Thị Y đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà Xyêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 và không yêu cầu ông Thăng phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Xkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên Bà Xcó đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra Bà Xkhông còn yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Thái Phước T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Thái Phước T nhưng ông Thăng cố tình vắng mặt nên Tòa án phải giao cho người thân theo quy định của pháp luật, ông Thăng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với Bà Xvà không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay là lần xét xử thứ hai ông Thái Phước T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Thái Phước T. Bà Xvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với ông Thái Phước T và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Xuân. Xử cho Bà Xđược ly hôn với ông Thái Phước T.

Về con chung: Con chung tên Thái Thị Y, sinh ngày 08/01/2001 đã trưởng thành, Bà Xkhông có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Giao cho Bà Xđược tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Bà X không yêu cầu ông Thái Phước T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Xkhông yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đoàn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thái Phước T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Thái Phước T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Thăng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, Bà Xthì có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Bà Xvà ông Thăng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Xvà ông Thăng chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, như vậy là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà Xcho rằng Bà Xvà ông Thăng mâu thuẫn là do vợ bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, Bà Xvà ông Thăng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay, nay Bà Xkhẳng định tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn nên Bà Xkiên quyết xin ly hôn với ông Thái Phước T. Vấn đề này thấy rằng: Tuy mâu thuẫn vợ, chồng giữa Bà Xvà ông Thăng là không lớn lắm nhưng hai người lại bất đồng quan điểm, thường hay cải nhau, chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông Thái Phước T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thăng vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Từ đó thấy rằng ông Thăng đã không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Xuân, mặc cho Bà Xmuốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Xxác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Xxử cho Bà Xđược ly hôn với ông Thăng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Xkhai trong quá trình chung sống có 02 con chung là Thái Thị Y, sinh ngày 08/6/2001, đã trưởng thành và Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008, hiện do Bà Xđang trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Thái Thị Y, sinh

ngày 08/6/2001 đã trưởng thành Bà Xkhông có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bà Xyêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 và bà không yêu cầu ông Thái Phước T phải cấp dưỡng nuôi con, ông Thái Phước T vắng mặt không có ý kiến trình bày. Xét thấy, từ khi Bà Xvà ông Thăng không còn chung sống với nhau, cháu Thái Thị Y N được Bà Xnuôi dạy tốt, không bị ngược đãi, đánh đập gì, hơn nữa cháu Nhi cũng có lời khai khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Xuân, vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Bà Xlà giao cháu Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 cho Bà Xtiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời quy định về quyền được tới lui thăm nom con cho ông Thái Phước T sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, Bà Xđã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng Bà Xcho rằng Bà Xcó đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên bà không có yêu cầu ông Thăng phải cấp dưỡng nuôi con chung là Thái Thị Y N nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Xkhông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147, 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đoàn Thị X. Bà Đoàn Thị X được ly hôn với ông Thái Phước T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị X. Xử giao con chung tên Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008 cho bà Đoàn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, ông Thái Phước T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà Đoàn Thị X trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Thái Phước T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thái Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Thái Thị Y N, sinh ngày 05/10/2008.

Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0017667 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Đoàn Thị X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã Tam Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh